TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- N	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/2025/QĐST – HNGĐ

N, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 180/2025/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn Đầm Rừng, xã P, tỉnh N; Số căn cước công dân: 037198***; Ngày cấp 25/12/2022; Nơi cấp: cục cảnh sát.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Ch, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, tỉnh N; Số căn cước công dân: 037094***; Ngày cấp 04/5/2023; Nơi cấp: cục cảnh sát.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Thị Cẩm N, sinh ngày 29/10/2014. Khi ly hôn hai vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu Bùi Thị Cẩm N cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu Bùi Thị Cẩm N đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh C tự thoả thuận không đề nghị Toà án xem xét giải quyết. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

" Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C cùng xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Bùi Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003569, ngày 11/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- N. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị N số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- Phòng THADS khu vực 3-N;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-N;
- UBND xã P, tỉnh N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hà Thiện Thành